

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **230/2026/HS-ST**

Ngày: 19/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Hương**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lý Anh Tuấn**

Ông **Phạm Thị Thanh Miên**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Phương**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 234/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Tuấn A**, sinh năm 1993; CCCD số: 036093000014; Giới tính: Nam; HKTT và nơi ở: **số A ngách A H, phường N, thành phố Hà Nội**; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Phạm Văn C** (đã chết), con bà **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm 1967. Con có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày: 07/02/2026 Tạm giam ngày: 10/02/2026

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - **Công an thành phố H**. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1997, địa chỉ: **Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên**; Nơi ở: **số D, ngày 21/12 Q, phường T, thành phố Hà Nội**. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2023, qua mạng xã hội Facebook, Phạm Tuấn A quen biết chị Trần Thị T (sinh năm 1997; nơi thường trú: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên). Quá trình quen biết, chị T kể với Tuấn A về việc em trai ruột của chị T là Trần Văn K (sinh năm 2003; nơi thường trú: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên) đang bị khởi tố bắt tạm giam về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Do cần tiền tiêu xài, Tuấn A nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách nói dối chị T là Tuấn A có các mối quan hệ có thể xin cho K giảm nhẹ tội, yêu cầu chị T chuyển tiền để làm chi phí đi quan hệ sau đó chiếm đoạt.

Để chị T tin tưởng, Tuấn A giới thiệu đang là bếp trưởng của trường Đại học P, có mối quan hệ quen biết với anh Lê Biên T1 (sinh năm: 1984, HKTT: Khu phố Đ, xã V, Hải Phòng) là Trưởng khoa luật của trường đại học P1. Tuấn A yêu cầu chị T chuyển tiền cho Tuấn A để Tuấn A nhờ anh T1 làm luật sư bào chữa cho K trong quá trình tố tụng, đảm bảo sẽ xin giảm nhẹ tội cho K bằng cách chuyển tội danh từ Mua bán trái phép chất ma túy sang Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tin là thật, chị T đồng ý chuyển tiền cho Tuấn A.

Từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, chị T đã 21 lần chuyển tiền cho Tuấn A vào tài khoản số 010319937979 mang tên Phạm Tuấn A mở tại Ngân hàng Q (M), tổng số tiền 151.300.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Tuấn A không thực hiện bất kỳ hành động nào như thoả thuận với chị T mà tiêu xài cá nhân hết. Tuy nhiên, Tuấn A vẫn nói với chị T là luật sư Lê Biên T1 đã làm xong thủ tục bào chữa và gặp K trong Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; hứa hẹn đến tháng 01/2024, Tòa án quận Hoàng Mai sẽ tuyên án K về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và chỉ phải chịu mức án 5 năm. Chị T yêu cầu Tuấn A cung cấp số giam, buồng giam và yêu cầu Tuấn A đưa đến gặp luật sư nhưng Tuấn A không thực hiện được. Do nghi ngờ, chị T đến trường đại học P hỏi thì phát hiện không có luật sư nào tên là Lê Biên T1 là giảng viên của trường. Chị T yêu cầu Tuấn A trả lại tiền nhưng Tuấn A không trả. Biết bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chị T gửi đơn tố giác đến cơ quan công an.

Tại cơ quan điều tra, chị T cung cấp nội dung các đoạn tin nhắn trao đổi giữa chị T với Tuấn A qua tài khoản Zalo, nội dung về việc Tuấn A hứa sẽ nhờ luật sư T1 xin cho K chuyển tội danh từ Mua bán trái phép chất ma túy sang Tàng trữ trái phép chất ma túy đồng thời cung cấp bảng sao kê ngân hàng thể hiện việc chị T nhiều lần dùng tài khoản ngân hàng B1 số 2161118430 và tài khoản ngân hàng T3 số 19038608826015 đều mang tên Trần Thị Tu chuyển tiền cho Phạm Tuấn A qua ngân hàng M1.

Tiến hành sao kê tài khoản ngân hàng M số 010319937979, chủ tài khoản Phạm Tuấn A xác định: tài khoản trên đã 21 lần nhận tiền với tổng số tiền 151.300.000 đồng từ tài khoản số 2161118430 mở tại ngân hàng B1 và tài khoản số 19038608826015 mở tại ngân hàng T3, đều mang tên Trần Thị T.

Tiến hành xác minh tại Phòng PC 04 - Công an T, kết quả: Ngày 27/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H (cũ) ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trần Văn K (sinh năm 2003, nơi cư trú: xá T, huyện H, Thái Bình nay là thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên) về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 4 Điều 251 BLHS và ra Lệnh tạm giam đối với bị can K để phục vụ công tác điều tra. Ngày 25/9/2023, Cơ quan CSĐT - Công an quận H đã yêu cầu Đoàn luật sư thành phố H phân công người bào chữa cho bị can Trần Văn K. Đoàn luật sư thành phố H đã phân công luật sư Phạm Gia L (sinh năm 1982, thẻ Luật sư 12548/LS do L3 cấp ngày 10/11/2017. Ngày 25/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H đã tiến hành làm thủ tục đăng ký người bào chữa cho ông Phạm Gia L. Ngoại trừ luật sư L có thông tin như trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H không đăng ký cho người bào chữa nào khác. Ngày 05/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Phòng PC04 - C1 để điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, PC04 cũng không tiến hành đăng ký người bào chữa khác cho bị can K.

Ngày 17/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa vụ án ra xét xử, tuyên phạt Trần Văn K 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Tại công văn số 410 ngày 20/8/2024 của Trường đại học P xác định: Trường Đại học P không có bất kỳ nhân sự nào tên là Lê Biên T1 (sinh năm 1984, nơi cư trú: Khu phố Đ, Thị trấn V, Huyện V, Hải Phòng, CCCD: 031084013866) tính đến thời điểm hiện tại. Đối với Phạm Tuấn A (sinh năm: 1993, HKTT: số A ngách A H, phường N, Hà Nội) có làm việc tại Phòng Hành chính - Quản trị - Thiết bị Trường Đại học P từ ngày 02/08/2021 đến ngày 30/09/2021 thì bị chấm dứt hợp đồng.

Tại cơ quan điều tra, anh Lê Biên T1 (sinh năm 1984; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, Hải Phòng) khai: Anh T1 làm công việc về công nghệ thông tin từ năm 2007 đến nay, ngoài ra không làm ngành nghề gì khác. Khoảng tháng 11/2023, anh T1 có quen biết với Phạm Tuấn A do anh T1 nhờ Tuấn A làm thủ tục giải thể công ty cũ và đăng ký công ty mới. Tuy nhiên Tuấn A không làm được việc nên đến tháng 01/2024 anh T1 không liên lạc với Tuấn A nữa. Anh T1 và Tuấn A chưa bao giờ trao đổi về việc bào chữa cho bị can Trần Văn K (sinh năm 2003; nơi cư trú: T, H, Thái Bình) phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Tiến hành kiểm tra điện thoại của anh Lê Biên T1 xác định có các đoạn nội dung trao đổi giữa anh T1 và Tuấn A qua tài khoản zalo về việc anh T1 nhờ Tuấn A giải thể công ty cổ phần P2 và thành lập công ty mới; không có nội dung trao đổi về việc bào chữa cho Trần Văn K.

Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập Tuấn A nhiều lần nhưng đối tượng vắng mặt tại nơi cư trú. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 07/02/2025, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Tuấn A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự đồng thời ra Quyết định truy nã đối với Phạm Tuấn A.

Ngày 07/02/2026, Phạm Tuấn A đến công an phường T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về dân sự: Chị Trần Thị T yêu cầu Phạm Tuấn A bồi thường số tiền 151.300.000 đồng đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 107/CT-VKSĐĐ ngày 23/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội đã truy tố Phạm Tuấn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Phạm Tuấn A đã khai nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại Trần Thị T có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo Phạm Tuấn A có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị T số tiền 151.300.000 đồng đã chiếm đoạt.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Tuấn A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A từ 05 đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2026.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Tuấn A có trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 151.300.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ nhất mức hình phạt và cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại..

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội, kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội truy tố là đúng người, đúng tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, **Phạm Tuấn A** đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 151.300.000 đồng của chị **Trần Thị T** bằng thủ đoạn nói dối bản thân có các quan hệ có thể xin giảm nhẹ tội danh cho em trai chị **T**, sau đó tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo **Phạm Tuấn A** đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Xét tính chất mức độ thì hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây nên sự bất bình, tâm lý hoang mang trong dư luận nhân dân nên cần xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo lần đầu bị đưa ra xét xử, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những vấn đề khác: Không.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo **Phạm Tuấn A** chưa bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại là chị **Trần Thị T**, chị **T** yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự số tiền 151.300.000

đồng bị chiếm đoạt là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo **Phạm Tuấn A** phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 151.300.000 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*) cho chị **Trần Thị T**.

Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại các Điều 2,6,7,9 và 30 Luật thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự về nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo các Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[7] Án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự của số tiền 151.300.000 đồng phải bồi thường cho chị **T** theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố **Phạm Tuấn A** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2]. Áp dụng: Điểm c, khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3]. Xử phạt: Bị cáo **Phạm Tuấn A 04** (Bốn) năm **06 (S)** tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo **Phạm Tuấn A**.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo **Phạm Tuấn A** phải bồi thường số tiền 151.300.000 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*) cho chị **Trần Thị T**.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2,6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5]. Về xử lý vật chứng: Không

[6]. Án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và danh mức án phí lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

Bị cáo **Phạm Tuấn A** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.565.000 đồng (Bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự của số tiền phải bồi thường.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADSTP. Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP và hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Hường



**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 28 tháng 10 năm 2021;

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu H**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc L1**
Ông **Phạm Văn B**

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 198/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐ-TA ngày 30/9/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn T2**, sinh năm 1991 tại: **Nghệ An; HKTT: K, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An** Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đó được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn T2** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T2** 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2021.

- Biểu quyết: 3/3 ý kiến

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị **Ngô Thị H1** số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả và người bị hại chị **Ngô Thị H1** không có yêu cầu gì khác. Bà **Lương Thị L2** không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề dân sự đối với số tiền 30.000.000 đồng nên không xét.

- Hình phạt bổ sung: Không

- Biểu quyết: 3/3 ý kiến

* Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số thuê bao 0985973826 (05 số cuối của số seri sim là 90794).

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, kiểu máy CPH1803, số imei1: 862134041032354; số imei2: 862134041032347, máy đã qua sử dụng, máy không lên nguồn không kiểm tra được tình trạng bên trong máy).

- Trả lại cho **Hoàng Văn T2** 01 giấy phép lái xe số 010141010905 mang tên **Hoàng Văn T2**.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2021).

- Biểu quyết: 3/3 ý kiến

3. Án phí và quyền kháng cáo:

- Áp dụng: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và danh mức án phí lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

- Bị cáo **Hoàng Văn T2** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

- Biểu quyết: 3/3 ý kiến

Biên bản kết thúc vào cùng ngày, nội dung đã được mọi người nhất trí ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

